

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST

Ngày: 08/4/2022

V/v: "Tranh chấp dân sự
hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Thái
2. Ông Nguyễn Văn Quang

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2019/TLST-DS ngày 01/4/2019, về việc: “Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-DS ngày 09/10/2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 02/2019/QĐXXST-DS ngày 29/10/2019, Thông báo mở lại phiên tòa ngày 23.3.2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Hà Thanh B**, sinh năm 1960. Có mặt.
Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Tân Nghĩa, huyện H. T, tỉnh Bình Thuận.
2. *Bị đơn:* Bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1965. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn Bình An 1, xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Tô Việt Y – Luật sư, Chi nhánh Văn phòng luật sư Nguyên Việt Luật; Địa chỉ: Số 127 đường Thống Nhất, phường Tân Thiện, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Minh L, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn Bình An 1, xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Minh L:* Bà Bùi Thị L, sinh năm 1965. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Bình An 1, xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

4. *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1969. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố 1, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/01/2019 của ông Hà Thanh B và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày: Ngày 24/3/2018, ông Bằng cho bà Bùi Thị L vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, các bên không thỏa thuận lãi suất, mục đích bà L vay tiền là để sang nhượng đất. Khi vay tiền, chỉ có bà L ký giấy vay do chồng và các con bà L đều ủy quyền cho bà. Đến thời hạn trả nợ, mặc dù ông B đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà L vẫn chưa trả tiền lãi và tiền gốc cho ông. Do vậy, ông B làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải có nghĩa vụ trả lại cho ông số tiền: 600.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất tương ứng là 55.000.000 đồng. Quá trình giải quyết, ông B rút 01 phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà L thanh toán tiền gốc là 600.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa hôm nay, ông B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Theo bản tự khai và các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Bùi Thị L trình bày: Bà thừa nhận có việc vay tiền của ông Hà Thanh B vào ngày 24/3/2018, tuy nhiên số tiền bà vay thực chất là 300.000.000 đồng, ông B yêu cầu bà ký giấy vay số tiền 600.000.000 đồng nên bà ký, việc vay tiền có ông Nguyễn Ngọc K chứng kiến. Sau đó, bà đã trả cho ông B số tiền 300.000.000 đồng và lãi theo thỏa thuận. Ông B có viết giấy nhận tiền tuy nhiên giấy biên nhận ông B viết bị sai ngày, bà cũng không chú ý kỹ. Do bà chỉ vay 300.000.000 đồng và đã thanh toán xong nên nay ông B yêu cầu bà trả số tiền 600.000.000 đồng, bà không đồng ý.

Tại phiên tòa, bà L khai không biết giấy mượn tiền đề ngày 24/3/2018, bà không ký và viết họ tên vào giấy này. Bà L chỉ ký tên vào giấy mượn tiền 300.000.000 đồng vào tháng 12.2017.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Minh L trình bày:

Ông là chồng của bà Bùi Thị L. Trong thời gian 10 năm nay, ông bị bệnh tật không tham gia làm ăn, mọi tài sản của gia đình ông đã ủy quyền cho vợ con ông. Mọi công việc làm ăn cũng như tiền bạc của bà L ông không liên quan, không biết, do bà L quyết định. Ông L đã ủy quyền cho bà L.

Người làm chứng, ông Nguyễn Ngọc K trình bày: Ông là thư ký của bà L, ông xác nhận bà L có vay tiền của ông B số tiền 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, giấy vay ghi 600.000.000 đồng, thông tin trên giấy mượn tiền do ông điền vào, bà L có ký và ghi họ tên vào cuối giấy mượn tiền. Sau đó khoảng 01 tháng, bà L đã trả đủ cho ông B số tiền 300.000.000 đồng và lãi suất, ông B đã nhận đủ tiền và ký tên vào sổ của bà L. Tuy nhiên, ông B ghi sai năm do bà L sơ suất nên thời gian sau này bà L mới biết việc ông B ghi sai năm nhận tiền mà bà L đã trả nợ. Tại phiên tòa, ông K xác định không viết vào nội dung tờ giấy mượn tiền 600.000.000 đồng mà ông chỉ viết trong tờ giấy mượn tiền 300.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Tô Việt Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong nội dung đơn Luật sư Y trình bày: Luật sư nhận thấy các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng đã thu thập đầy đủ, nên cũng không có ý kiến tranh luận gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ ngày thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Qua nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền gốc 600.000.000 đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền:* Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền gốc theo hợp đồng vay, là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản

1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của ông Hà Thanh B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hà Thanh B khẳng định số tiền ông B cho bà L vay, là tài sản riêng của ông, không phải tài sản chung của vợ chồng. Việc ông cho bà Bùi Thị L vay tiền bà T không biết, không liên quan. Do đó, Tòa án không đưa bà Trương Thị T tham gia vụ án là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Quá trình giải quyết, ông B giao nộp cho Tòa án 01 giấy mượn tiền, lập ngày 24/3/2018 có nội dung: Bà Bùi Thị L có vay của ông Hà Thanh B số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 ngày, bà L có ký tên xác nhận vào giấy vay.

Quá trình giải quyết bà L nộp cho Tòa án 01 giấy biên nhận, đề ngày 29/01/2018, trong đó ông B xác nhận: *“Tôi có nhận của chị L số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng chẵn)”*. Ngoài ra, bà L không còn giao nộp tài liệu chứng cứ nào khác.

Xét lời trình bày cũng như chứng cứ mà các bên giao nộp, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết, bà L thừa nhận vào ngày 24/3/2018 bà và ông B có giao dịch vay tài sản và bà có ký tên vào giấy vay do ông B làm mẫu sẵn và ông K – Thư ký của bà L viết, xác nhận việc vay tiền, bà L thừa nhận chữ ký và chữ viết trên Giấy mượn tiền mà ông B giao nộp là chữ ký và chữ viết của bà. Như vậy, Giấy mượn tiền ngày 24/3/2018 là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bà L khai bà không ký tên và ghi họ tên vào giấy mượn tiền 600.000.000 đồng, bà chỉ ký tên vào giấy mượn tiền 300.000.000 đồng vào tháng 12.2017. Người làm chứng ông Nguyễn Ngọc K xác định không viết vào nội dung tờ giấy mượn tiền 600.000.000 đồng mà ông chỉ viết trong tờ giấy mượn tiền 300.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai của bà L và ông K trình bày mâu thuẫn, bà L không có chứng cứ chứng minh cho việc trả tiền cho ông B.

Đối với 01 giấy biên nhận do bà L giao nộp, xét thấy bà L vay tiền vào tháng 3/2018, tuy nhiên giấy biên nhận mà bà giao nộp được lập vào ngày 29/01/2018, trước thời điểm bà vay tiền. Ông B cũng trình bày giấy biên nhận này là của các khoản vay mà bà đã vay của ông thời gian trước, không phải là tiền bà trả cho khoản vay ngày 24/3/2018. Đối với lời khai của ông Nguyễn Ngọc K, xét thấy bà L và ông K có mối quan hệ công việc làm công ăn lương.

Lời khai của ông K không đảm bảo tính vô tư, khách quan. Ngoài các chứng cứ là lời khai và giấy biên nhận, bà L không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh. Do vậy, ý kiến của bà L về việc bà chỉ vay của ông B số tiền 300.000.000 đồng và đã trả đủ là không có cơ sở chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định việc bà Bùi Thị L có vay của ông Hà Thanh B số tiền 600.000.000 đồng là có thật và đến nay bà L vẫn chưa thanh toán cho ông B số tiền trên. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền lãi: Quá trình giải quyết, ông B có ý kiến rút lại yêu cầu khởi kiện buộc bà Bùi Thị L thanh toán khoản tiền lãi là 55.000.000 đồng, yêu cầu của ông B là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu về tính lãi suất của ông Hà Thanh B.

Quá trình giải quyết, bà Bùi Thị L yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà tại giấy mượn tiền ngày 24.3.2018. Căn cứ Kết luận giám định số: 978/KLGD-PC09 ngày 29.11.2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B. T kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Bùi Thị L trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Bùi Thị L trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M 18 là do cùng một người ký, viết. Sau đó, bà Bùi Thị L có đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết lại, nhưng xét thấy việc yêu cầu của bà L không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Như vậy, ông B khởi kiện yêu cầu bà L phải trả lại số tiền 600.000.000 đồng là có cơ sở nên chấp nhận, buộc bị đơn bà Bùi Thị L phải trả cho ông Hà Thanh B số tiền 600.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết, ông B chỉ yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả lại khoản nợ 600.000.000 đồng, bà L cũng thừa nhận việc bà vay tiền là giao dịch cá nhân, ông L không biết và không liên quan. Do đó, Hội đồng xét xử không buộc ông L có nghĩa vụ liên đới trả nợ cùng với bà Bùi Thị L đối với khoản vay của ông Hà Thanh B.

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Bà Bùi Thị L phải chịu số tiền 3.060.000 đồng (Ba triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Bà L đã thanh toán đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- Các 357, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015.
- Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Thanh B.

Buộc bà Bùi Thị L phải trả cho ông Hà Thanh B số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Hà Thanh B về tính lãi suất đối với số tiền 600.000.000 đồng.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị L phải chịu 28.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Hà Thanh B số tiền 15.100.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0022172 ngày 28/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

3. Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Bà Bùi Thị L phải chịu số tiền 3.060.000 đồng (Ba triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Bà L đã thanh toán đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Hà Thanh B, bà Bùi Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08.4.2022).

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Vũ Toàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trịnh Văn Thái – Nguyễn Văn Quang

Huỳnh Thị Vũ Toàn

Nơi nhận:

- VKSND thị xã La Gi;

TÒA

- THA thị xã La Gi;

- Đường sự;

- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

ĐẶNG THỊ HOA NGÀ